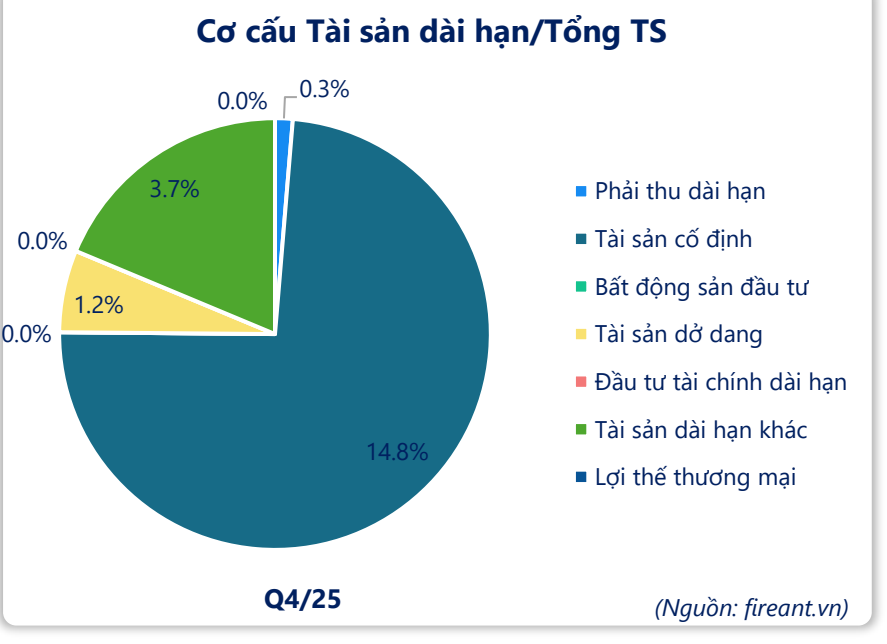
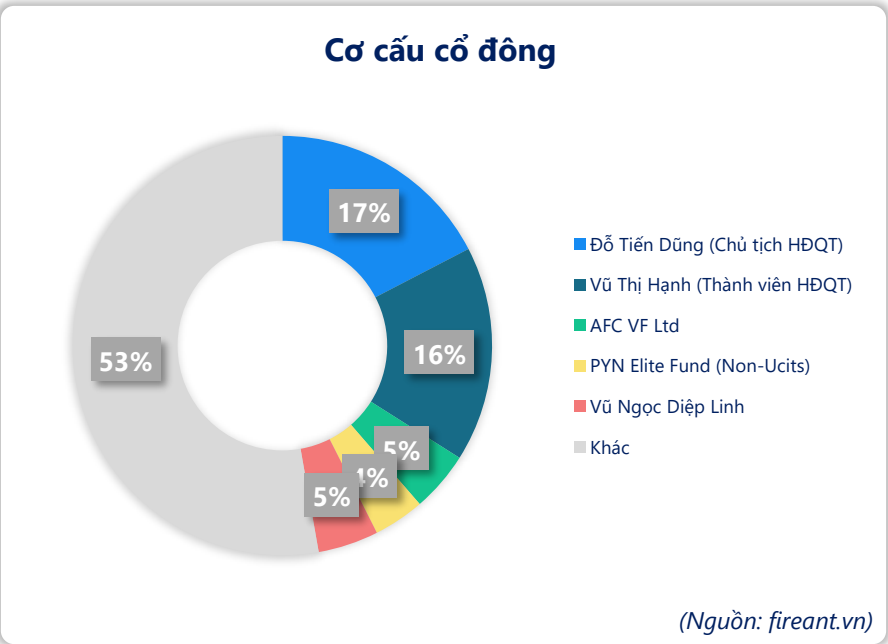
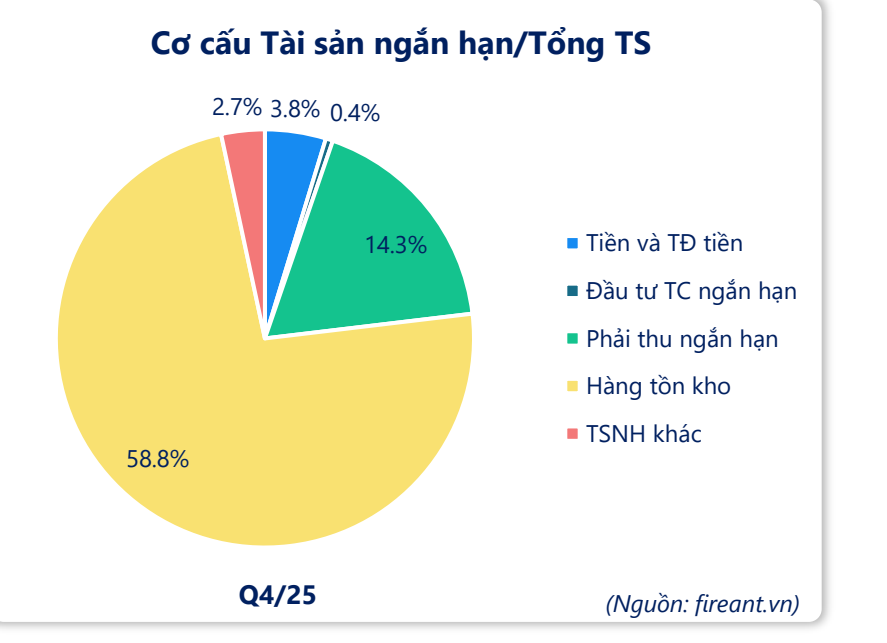
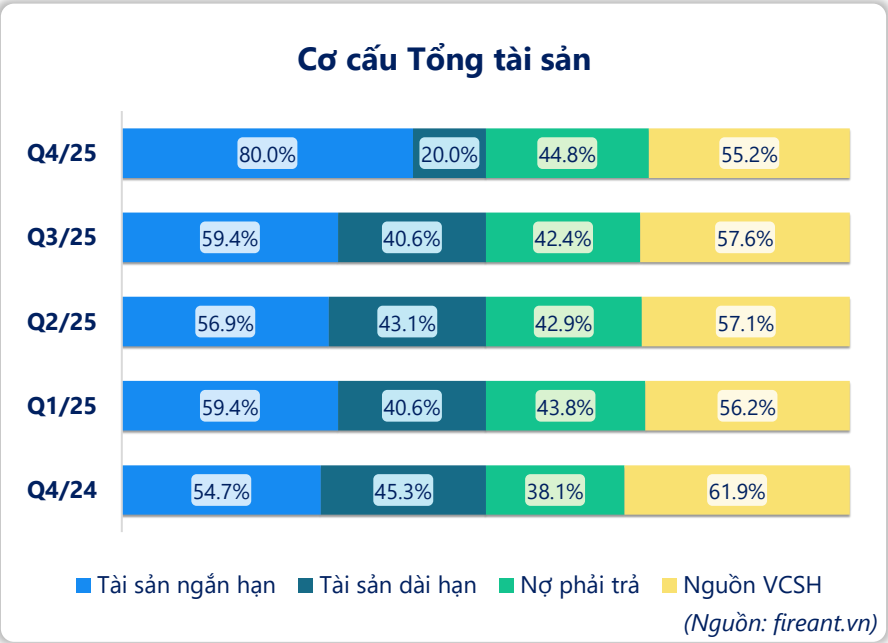
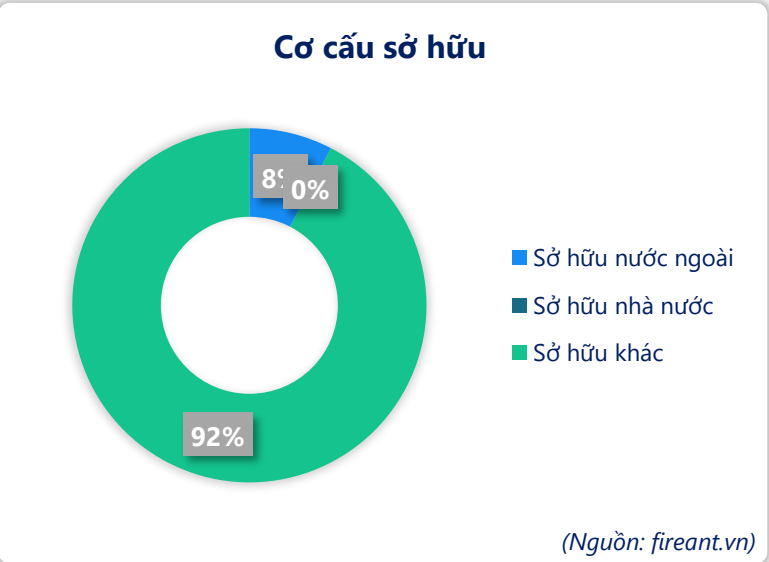
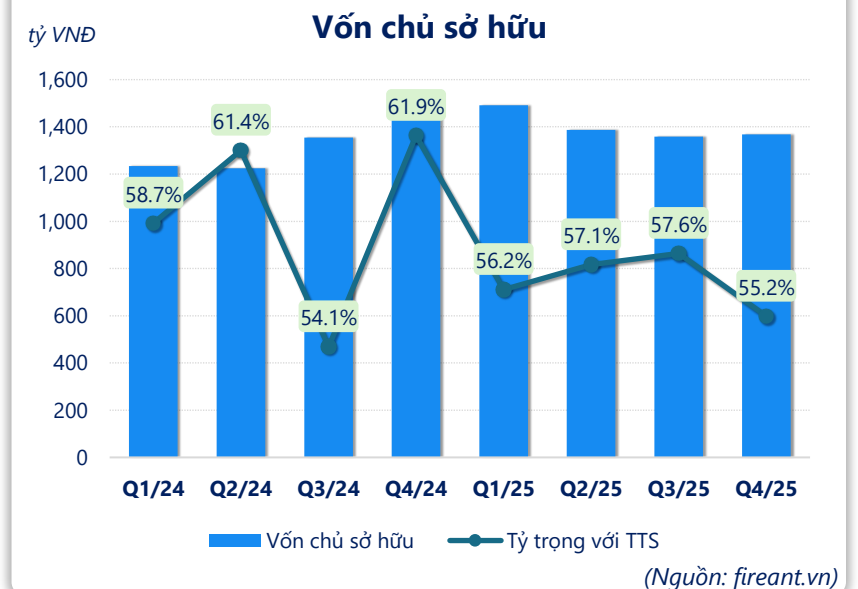
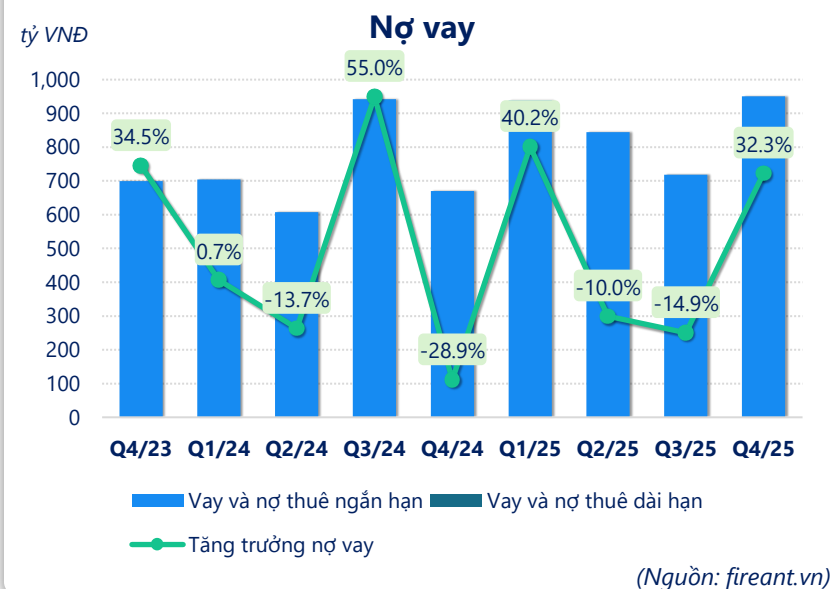
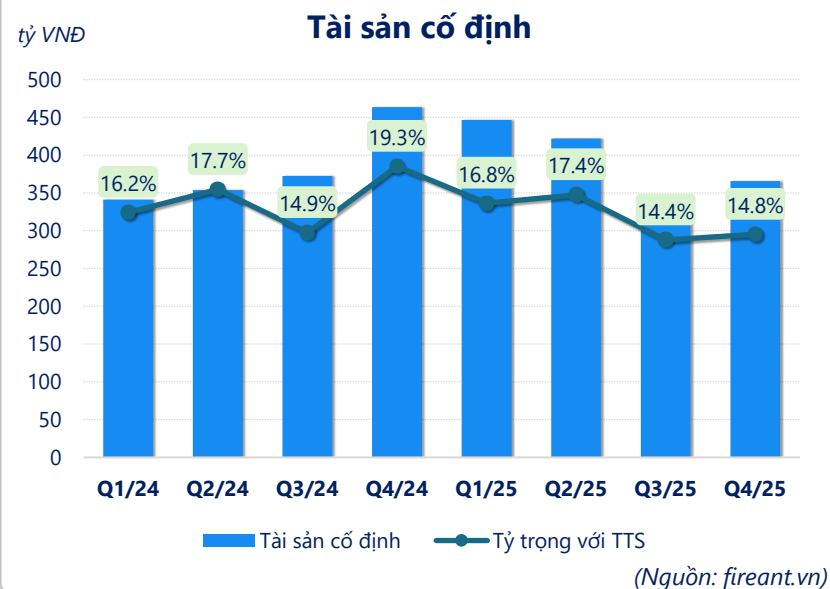
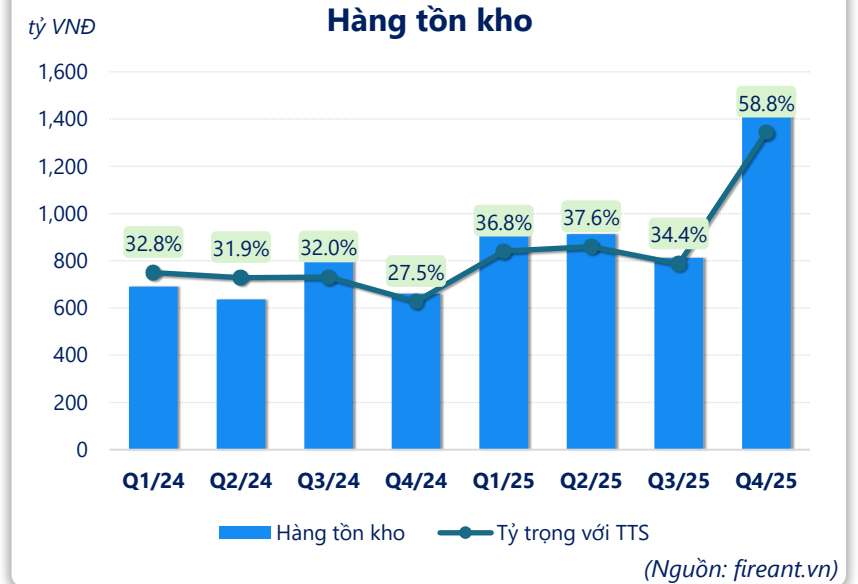
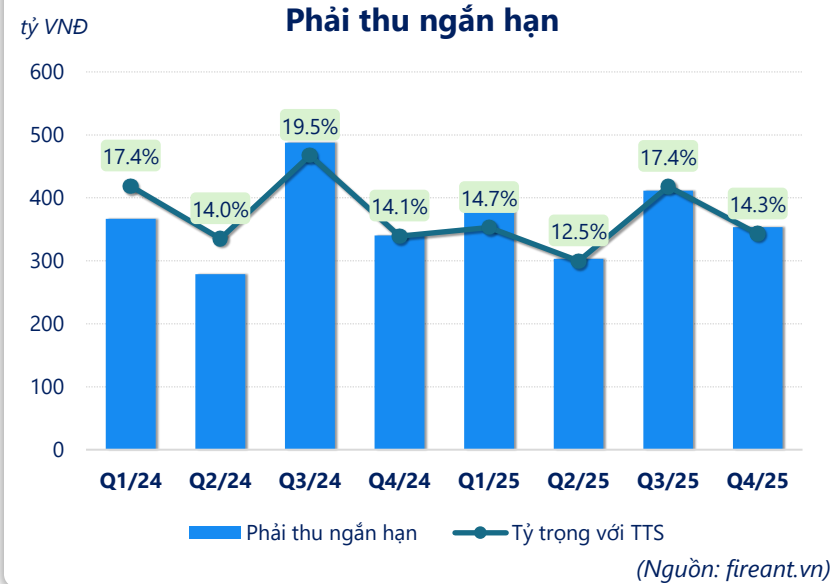
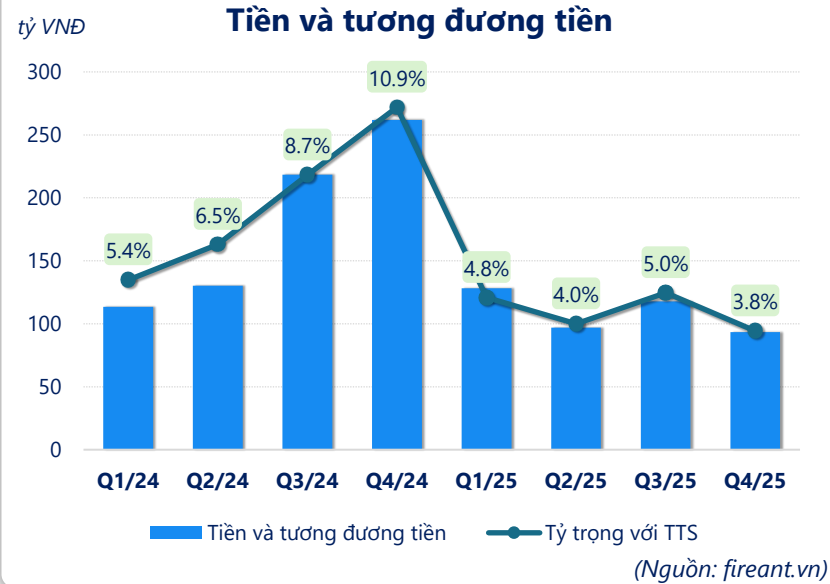
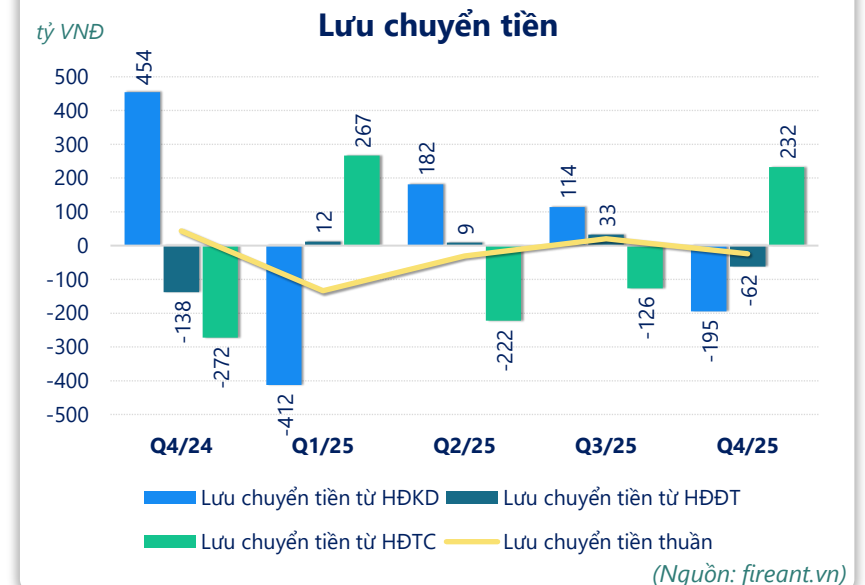
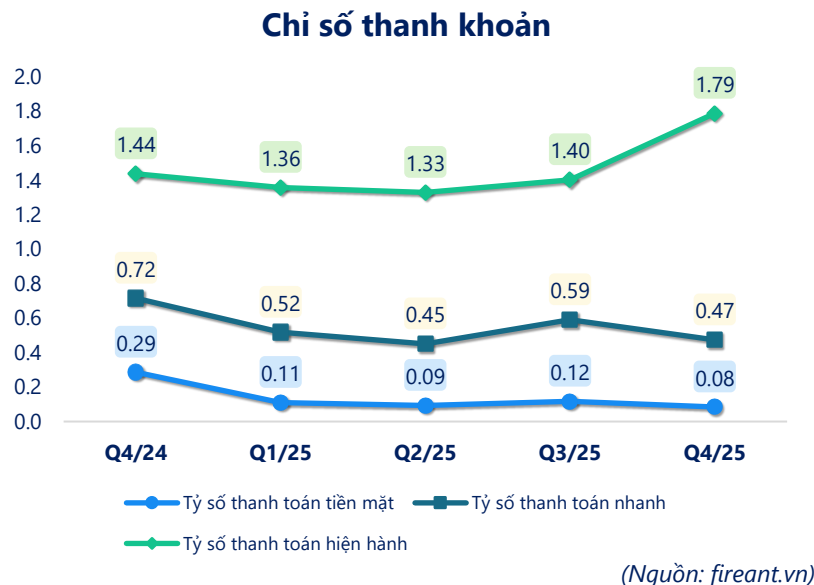
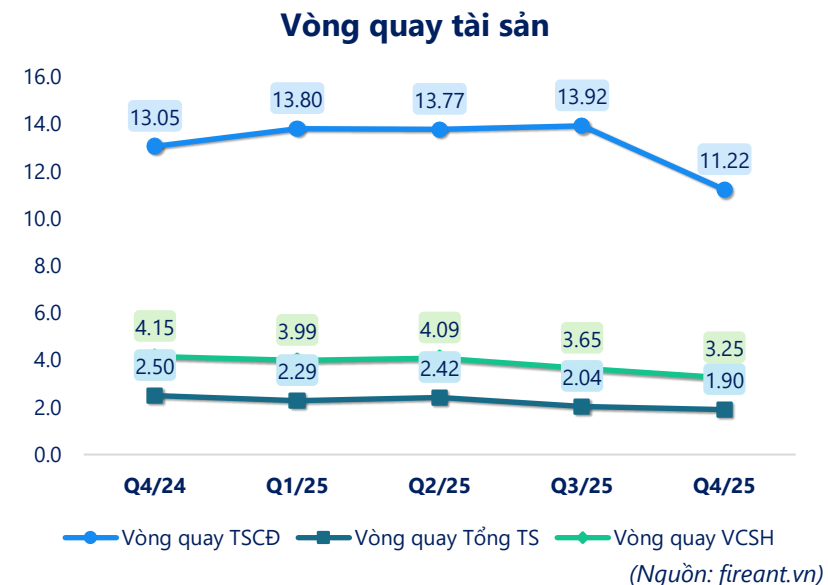
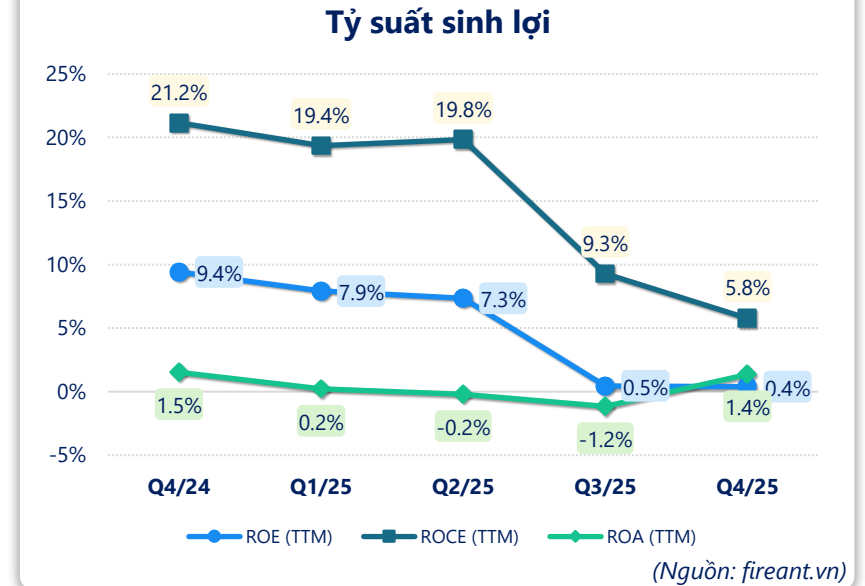
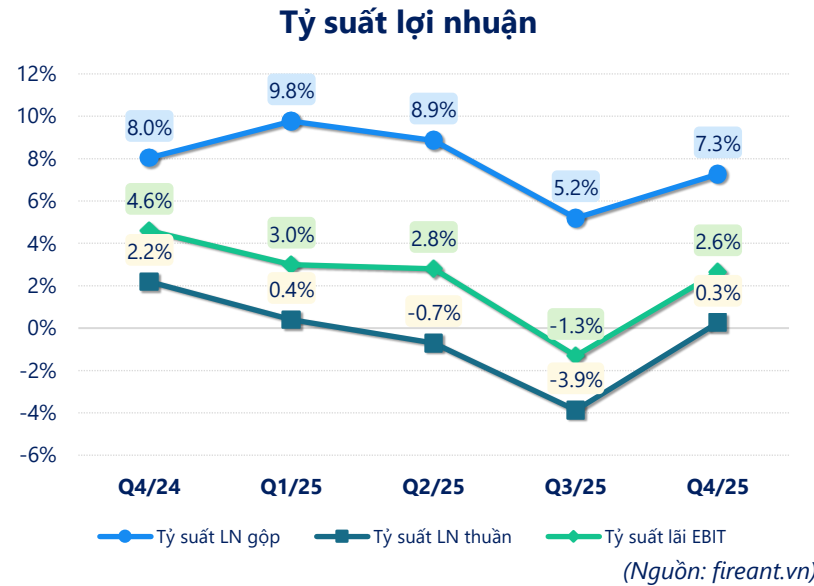
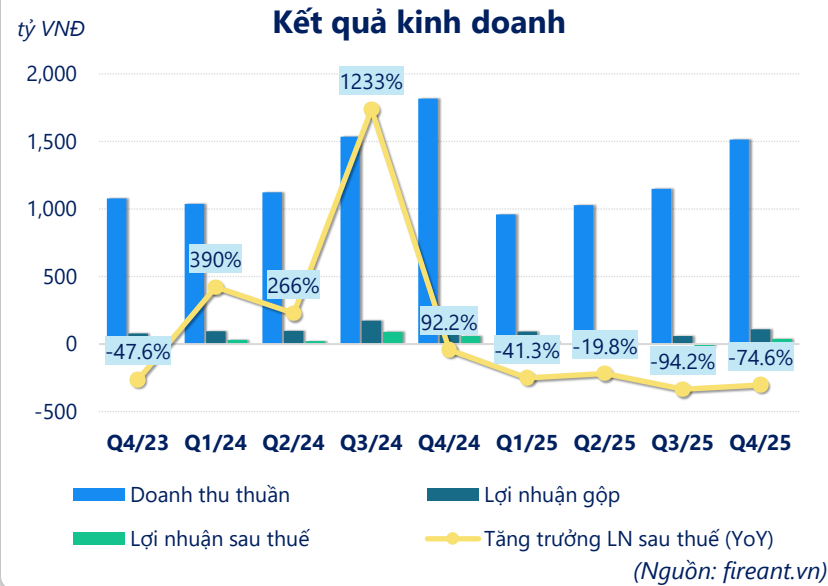


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,850
SL cổ phiếu LH		107,439,681
KLGD BQ 20 phiên (CP)		336,085
% sở hữu nước ngoài		7.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,117
P/E		198.8
EPS		52

	YTD	1T	3T	6T
HAX	-34.6%	-6.7%	-15.4%	-31.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,477	2,409	2.8%
Tài sản ngắn hạn	1,982	1,316	50.6%
Tiền và tương đương tiền	93.4	262	-64.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.0	3.00	267%
Phải thu ngắn hạn	354	340	3.9%
Hàng tồn kho	1,457	661	121%
Tài sản ngắn hạn khác	66.7	49.8	34.0%
Tài sản dài hạn	495	1,093	-54.7%
Phải thu dài hạn	6.56	6.24	5.2%
Tài sản cố định	366	460	-20.5%
Bất động sản đầu tư	0	542	-100%
Tài sản dở dang	30.5	1.86	1540%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	92.7	34.3	170%
Lợi thế thương mại	0	49.2	-100%
Nợ phải trả	1,109	918	20.8%
Nợ ngắn hạn	1,108	918	20.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	951	670	42.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	61.2	99.3	-38.4%
Nợ dài hạn	0.55	0.54	1.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,368	1,491	-8.2%
Vốn chủ sở hữu	1,368	1,491	-8.2%
Vốn điều lệ	1,074	1,074	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,817	959	1,029	1,150	1,513
Giá vốn hàng bán	1,671	865	938	1,090	1,403
Lợi nhuận gộp	146	93.6	91.2	59.7	110
Doanh thu HĐTC	0.22	0.58	0.51	0.13	0.13
Chi phí TC	7.75	6.03	11.2	9.15	11.0
Chi phí lãi vay	7.75	6.03	11.2	9.15	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	66.4	52.0	54.0	58.8	60.5
Chi phí QLDN	32.4	32.4	33.7	36.4	34.7
LN thuần từ HĐKD	39.8	3.73	-7.19	-44.5	3.89
Lợi nhuận khác	36.0	19.0	24.7	20.3	36.1
LN trước thuế	75.8	22.7	17.5	-24.2	40.0
Lợi nhuận sau thuế	59.5	16.5	10.3	-25.8	38.1
LNST của CĐ cty mẹ	33.7	5.14	-4.44	-28.1	33.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	454	-412	182	114	-195
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-138	11.9	9.03	32.9	-61.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-272	267	-222	-126	232
Tiền đầu kỳ	218	262	128	97.0	118
Lưu chuyển tiền thuần	43.5	-134	-31.3	20.7	-24.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	262	128	97.0	118	93.4

(Nguồn: fireant.vn)